

ĐẠO GIÁO HƯỚNG ĐẾN XÃ HỘI, HƯỚNG ĐẾN ĐỜI SỐNG

LI DAHUA**

Thế kỉ vừa trôi qua là một thế kỉ có nền khoa học phát đạt, tri thức bùng nổ và sức sản xuất xã hội phát triển hết sức mạnh mẽ, đồng thời cũng là một thế kỉ với biết bao nhiêu vấn đề. Sự phát triển lớn mạnh của năng lực sản xuất đã thay đổi hoàn toàn tình hình đời sống vật chất của con người, đồng thời cũng làm tăng vọt những dục vọng vô hạn của nhu cầu đời sống; Sự đổi thay từng ngày của khoa học, một mặt, đã cung cấp phương tiện làm thay đổi điều kiện sản xuất, phương thức sinh hoạt và đối sách với môi trường sinh tồn. Mặt khác, đã dẫn đến các nguy cơ huỷ diệt điều kiện sống, môi trường sinh tồn của muôn loài, thậm chí huỷ diệt bản thân con người; Sự tích tụ, bùng nổ của tri thức vừa làm phong phú thêm nhận thức của bản thân con người đối với thế giới xung quanh, vừa tạo thành sự đe dọa đối với bản thân sự sống. Như vậy, cho rằng con người tham vọng dùng tiến bộ của xã hội và sự cải thiện của năng lực tri thức để giải quyết mọi vấn đề dang rơi vào bế tắc, thì nay cách nghĩ đó đang lâm vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan. Như Jean-Jacques Rousseau đã nói: loài người tiến lên một bước, bất bình đẳng cũng tiến theo một bước, con đường tiến hóa của loài người không phải dẫn con người đi đến vương quốc tự do, mà gần như là dẫn đến chỗ

không còn đường lùi. Từ đó khiến cho con người phải ngẫm nghĩ, làm thế nào mới có thể đưa sự phát triển của xã hội và con người đi đến con đường lành mạnh và ổn định? Phải chăng trong sự phát triển này cần thiết phải quán triệt một tinh thần nhân văn vượt lên trên chính bản thân con người? Chính từ những ý nghĩa này nên nhà thần học Hans Kung đề xuất thực hành giá trị đạo đức phổ cập của tôn giáo. Nhà Xã hội học Daniel Bell chủ trương khôi phục tín ngưỡng tôn giáo truyền thống để cứu vãn xã hội loài người. Giá trị của tôn giáo một lần nữa lại được coi trọng.

Xã hội cần tôn giáo, vậy thì bản thân tôn giáo có thể sắm vai trò gì trong xã hội tương lai? Đây là vấn đề mà các học giả tôn giáo và tín đồ tôn giáo cần phải nghiên cứu ngẫm. Vai trò đó có tầm quan trọng ra sao, điều này được quyết định bởi hai nhân tố: Một là, tôn giáo có thể nhắm đúng đường hướng cũng như nhiệm vụ của nó hay không; Hai là, tôn giáo có thể thực hiện một cách thành công và có hiệu quả chức năng của mình hay không. Nhân tố thứ nhất là tiền đề, nhân tố thứ hai là mức độ nỗ lực khi bản thân tôn giáo xác định phương hướng, vì

*. Lí Đại Hoa, Viện Nghiên cứu Văn hóa Triết học, Viện Khoa học Xã hội thành phố Quảng Châu.

vây. đây chính là hai mặt của một quá trình. “Hướng đến xã hội, hướng đến đời sống” mà bài viết này nói đến, có ý nghĩa là điều này vốn dĩ không thành vấn đề, nhưng ngày nay thực tế đã là một vấn đề. Đạo giáo với tư cách là tôn giáo dân tộc, ra đời lúc xã hội biến động, không có ai quan tâm đến cuộc mưu sinh và nỗi khổ của dân chúng. Lúc bấy giờ Đạo giáo ra đời, vừa xuất hiện đã đảm nhận vai trò cứu vớt xã hội, điều này không phải bàn cãi gì nữa trong bối cảnh đương thời. Bởi vì, ý nghĩa của tôn giáo chính ở chỗ nó quan tâm đến nhân tính(人性) và nhân đạo(人道) một cách phổ cập, trong khi xã hội cần mỗi quan tâm như vậy. Đạo giáo chỉ có thể gánh vác trọng trách khi người đứng đầu cũng dũng cảm đứng lên, thực hiện một cách thành công trách nhiệm của mình. Khi xã hội dần đi vào bình ổn, Đạo giáo lại quay về với tín ngưỡng sinh mệnh ban đầu của mình. Quan tâm đến sinh mệnh cũng chính là mối quan tâm phổ biến và trở nên quan trọng khi xã hội còn đầy rẫy sự bất bình đẳng, thiếu sự quan tâm đến các vấn đề *sinh, lão, bệnh, tử*. Vấn đề ở chỗ người tin theo Đạo và người hoàng dương Đạo có định hướng đúng đắn. Nếu Đạo giáo hướng đến phục vụ cho những người trong Đạo hoặc người giàu có, hoặc giả mưu cầu lợi ích cho riêng mình, thì Đạo giáo đã đi trái với tôn chỉ ban đầu. Trên thực tế lịch sử, Đạo giáo luôn khó thoát khỏi tình cảnh khó khăn như vậy. Những người như Phan Đan, Lâm Linh Tố từng bị Tư Mã Thừa Trinh chỉ trích là bọn “Chung Nam tiếp kính” (Lợi dụng tu Đạo làm đường tắt để tiến thân), đã vi phạm tông chỉ cơ bản của Đạo giáo, vứt bỏ mối quan tâm to lớn của quảng đại quần chúng. Đương nhiên, không chỉ có Đạo giáo gặp khó khăn ở vấn đề này, tất cả tôn giáo khác cũng không ngoại lệ. Nhưng có một điểm dễ nhận thấy là bất cứ tôn giáo nào, chỉ cần rời xa đối tượng phục vụ của mình, rời xa

định hướng cơ bản, con đường sẽ càng đi càng hẹp, nhất định không được bao xa. Duy Thức tông của Phật giáo chỉ vì sự kiểm soát thái quá của tư duy mà không hợp với tập quán của Trung Quốc, trở nên lạc điệu, từ đó tín đồ suy giảm, rốt cuộc tuột dốc. Đạo giáo không có vấn đề như vậy, nhưng lại gặp phải một vấn đề khác, giam mình trong cái vòng của bản thân, xa rời thế tục, gần như sống ở một thế giới khác, tựa như siêu thoát, ẩn dật. Nó bị người ta coi như là phục vụ cho khách của thế giới khác vậy. *Trang Tử* thì có ngụ ngôn nói rằng: Trâu tự nguyện được thờ phụng một cách cao quý ở trong tông miếu? Hay là dầm mình trong bùn đất sống một cách tự tại đây? Mất đi tự tại, chính là mất đi giá trị tồn tại.

Hướng đến xã hội, hướng đến đời sống, trên thực tế là cùng một hướng độ chỉ có điều là có một quan hệ chuyển tiếp ở trung gian mà thôi. Hướng đến xã hội chính là đặt việc thực hiện mối quan tâm phổ quát và phổ biến của tôn giáo vào hành động xã hội. Tôn giáo không phải là lang thang bên lề của đời sống xã hội, mà tồn tại ở trong đó. Đây là lí do sở tại cho tôn giáo tồn tại, là nơi sở tại của linh tôn giáo. Có thể nói các tôn giáo trên thế giới đều rất quan tâm đến sự tăng giảm tín đồ của mình. Không một tôn giáo nào chỉ dựa vào sự đề cử và bảo hộ của chính quyền để tồn tại và phát triển. Cội rễ tôn giáo chỉ có thể cắm vào tầng sâu của xã hội thì mới có sự sống, mới có thể kinh qua phong ba bão táp, mới có thể khai hoa kết trái. *Kinh Thánh* có đoạn viết: Cần gieo hạt giống ra khắp nơi, cho dù chỉ thu hoạch được quả thiêng với con số ít. Nếu hạt giống không được phát tán, sao có thể hi vọng thu hoạch! Cũng như vậy, một tôn giáo nếu không hướng đến xã hội, thì đâu dám nói rằng có bao nhiêu tín đồ! Ở đây, nói tới mối quan tâm phổ cập, chính là mối quan tâm với bất kì vấn

để xã hội và quần thể xã hội nào. “Cứu vớt không để sót” mà Đạo giáo nói chính là mang ý nghĩa này. Kinh *Độ nhân* (度人经) nhấn mạnh việc cần giúp đỡ rộng rãi và siêu độ cho tất cả mọi người, không kể đối tượng nào. Chỉ có thể siêu độ cho tất cả mọi người, kể tu hành mới được siêu độ. Có thể nói, Đạo giáo có truyền thống này. Trong điều kiện xã hội hiện nay, con người do nghề nghiệp, địa vị, địa vực, văn hóa, chủng tộc khác nhau và thủ hướng giá trị khác nhau nên phân tầng, phân nhóm, ngày càng đa nguyên hóa. Vì vậy, mỗi nhóm đều tự có không gian sinh hoạt riêng cho mình. Nhưng như vậy không có nghĩa là xã hội không cần quan tâm đến họ. Trong xã hội hiện đại, đa nguyên hóa chưa chiếm hết không gian sinh tồn, ngược lại ngày càng nhiều không gian dành cho các hoạt động xã hội công cộng. Không gian công cộng đó chính là vũ đài của tôn giáo. Tôn giáo cần lấy hành động của bản thân để chứng minh giá trị tồn tại. Đây chính là mối quan hệ đặc thù vượt trên các lĩnh vực đa nguyên như giai tầng, địa vực và văn hóa, thực hành việc quan tâm đến công chúng một cách công bằng, như: quan tâm đến nỗi đau khổ của xã hội, giải thoát hoạn nạn cho con người, hòa giải mâu thuẫn giữa người với người, người với xã hội, hòa hoãn xung đột xã hội, hướng dẫn lòng người hướng thiện, hướng đến chỗ cao thượng và tôn quý, chủ trương xã hội chính nghĩa và bình đẳng, hướng sự phát triển của xã hội và hành vi của con người đến quỹ đạo ổn định và có thể lường trước được, giảm bớt sự mất lòng tin đối địch do hiểu nhầm và ghen tị lẫn nhau, tăng cường lòng tin, v.v... Nói một cách tổng thể, địa vị của tôn giáo trong xã hội liên quan đến nhu cầu tương ứng của xã hội đối với tôn giáo, và cũng liên quan đến mức độ mà nó có thể đáp ứng nhu cầu xã hội. Nếu như tôn giáo trong đời sống công

cộng có thể phát huy được tác dụng như vừa nêu trên, thì nó sẽ đáp ứng được các yêu cầu đa phương diện của xã hội ở các mức độ. Từ đó, nó đứng vững ở địa vị của mình. Nếu khi xã hội đã biểu hiện trách nhiệm quan tâm đến cộng đồng còn tôn giáo chưa có sự chuẩn bị để thực hiện trách nhiệm quan tâm đến cộng đồng thì nó có thể bị xã hội quên lãng. Đây là tình trạng mà tôn giáo nào cũng muốn tránh. Cải cách của các tôn giáo trên thế giới đều nhằm thích ứng với sự phát triển của thế giới, phát huy tác dụng của bản thân trong quá trình phát triển. Cải cách của đạo Tin Lành đã thích ứng và thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Công giáo về sau cũng chủ động nói mình sai lầm, bỏ thuyết Trái Đất là trung tâm, công nhận tính hợp lí của thuyết *Mặt Trời là trung tâm* của Copernic. Từ ý nghĩa này mà nói, Đạo giáo hướng đến xã hội cũng chính là thích ứng với nhu cầu của xã hội, đáp ứng mối quan tâm của xã hội, nhất là mối quan tâm của quảng đại quần chúng. Như vậy, nó không còn bị động nữa mà chủ động sắm vai trò của mình khi xã hội còn chưa phát ra tín hiệu có nhu cầu. Động đất ở Đài Loan năm 1999 là một ví dụ, Phật giáo, Đạo giáo và Tin Lành giáo đều thực thi tốt trách nhiệm của mình, nhiều người nhận được giúp đỡ và quan tâm giúp đỡ của các đoàn thể tôn giáo, nhân dân không thể quên tôn giáo.

Mối quan tâm phổ cập nói đến ở đây vượt trên mối quan hệ dân tộc, là mối quan tâm về vấn đề chung của nhân loại. Thế giới ngày nay, do tính cục bộ của các quốc gia, dân tộc, khu vực liên quan đến lợi ích riêng nên lợi ích chung không được chú ý đến, con người đứng trước tình hình tự hủy diệt bản thân. Xung đột khu vực và văn hóa, kì thị chủng tộc, cạnh tranh vũ khí, môi trường bị tổn hại, v.v... đều là vấn đề chung mà mọi người cùng đối mặt.

Các tôn giáo trên thế giới đều có hồi ứng với vấn đề này, tìm kiếm con đường tự giải quyết, do đó, giữa các tôn giáo cũng triển khai đối thoại. Đạo giáo không thể giữ thái độ im lặng, cũng nên tích cực hồi ứng, tiến hành đối thoại, tỏ rõ thái độ của mình bằng quan niệm truyền thống và thái độ nhất quán. Ví dụ, thái độ hài hòa của Đạo giáo đối với con người và môi trường, thái độ khoan dung đối với các tư tưởng khác và chủ trương nhất quán đối với vấn đề giải quyết xung đột, đều có giá trị phổ cập, do vậy Đạo giáo sẽ có những cống hiến có ý nghĩa quan trọng cho vấn đề chung của nhân loại. Con người có sự khác biệt về màu da và chủng tộc, tôn giáo không có sự khác biệt đó, hơn nữa muốn vượt qua sự khác biệt đó, chúng ta nói rằng Đạo giáo là tôn giáo dân tộc chỉ là nói ở ý nghĩa bối cảnh văn hóa và sự ra đời của nó. Nó ra đời, chính là tài sản chung của nhân loại. Tham gia đối thoại chính là quá trình cất cao tiếng nói, mở rộng ảnh hưởng cũng là thực hiện quá trình phổ cập giá trị. “Đạo” giống như bảo bối vậy, biết rằng nó quý hiếm, đem cất giấu nó. Có thể nói nó không thể mất đi, nhưng không thể nói nó đang thể hiện giá trị của mình. Giá trị đó trở nên xứng đáng khi được tỏa sáng công khai, để nhân loại cùng thưởng thức. Ở phương diện này, sự thiên vị nào cũng là ích kỷ. Vì vậy, chúng ta không chỉ cần có dũng khí, mà càng cần một tầm nhìn xa trông rộng với lợi ích chung của toàn cầu và nhân loại.

Hướng đến xã hội, chính là cần hướng đến sự bình dị chân thực, hướng đến đời sống thường nhật. Điều này cũng tồn tại hai mặt của một nội dung: Một là, cần đi vào đời sống, hai là, đời thường hóa bản thân người tu hành, đi vào đời sống chính là đi vào đời sống hiện thực. Đạo sĩ sống lâu trong rừng núi, cách li với đời sống hiện thực, cho dù mỗi ngày họ tiếp xúc

với nhiều người, nhưng vẫn là ngoại tại, họ không thể có mối tâm giao chân thực với thực tế, với người đời. Kitô giáo có quy định mỗi khi tín đồ thổ lộ điều bí mật của bản thân với linh mục, linh mục cần căn cứ vào tình hình của mỗi người để đưa ra phán đoán là tốt xấu hay đúng sai, từ đó khuyên răn mọi người nên quy phạm hành vi của bản thân như thế nào để mong được Thượng Đế khoan thứ. Trong việc này đã có tâm giao giữa người với người, cho nên các chức sắc tuy sống trong nhà thờ nhưng không cách li với đời sống. Đạo giáo không có chế độ như vậy, tín đồ đến cung quán rút thẻ hoặc câu đảo, đó là nhằm câu thông với thần linh, hoàn toàn không trực tiếp làm lễ cáo giải với chức sắc. Đạo sĩ nếu không chủ động tiếp cận đời sống, thì khó mà hiểu được lòng người. Đã không hiểu được lòng người, thì sao có thể khuyên răn người làm việc thiện? Hơn nữa, chức sắc không tiếp xúc với mọi người thì làm sao phát triển được tín đồ. Cho đến nay, tín đồ Đạo giáo chủ yếu dựa vào ảnh hưởng truyền thống và tình cảm tôn giáo có ở bản năng của họ, tình trạng này còn tiếp diễn thì Đạo giáo sẽ mất đi cơ sở xã hội của mình. Ở đây còn đề cập đến vấn đề niềm tin cơ bản của Đạo giáo, tức là vấn đề “Đạo” ở đâu. Rõ ràng là vào núi tu hoặc xuất gia tu hành đều vì đắc Đạo, nhưng chỉ là phương tiện để đắc Đạo. Ẩn cư ở trong núi, tiện lợi chuyên tâm tu Đạo, rừng núi và cung quán là môi trường tốt để tu hành, dễ bề đắc Đạo, nhưng không vì thế mà hiển nhiên đắc Đạo, nếu người tu hành thân ở trong núi, tâm tưởng ở Đạo quán, làm sao có thể đắc Đạo. Theo giáo lý cơ bản của Đạo giáo, Đạo ở trong mọi hiện tượng, có giữa mọi người, cũng có thể nói Đạo có thể ở trong rừng núi, cũng có thể ở ngoài rừng núi, mỗi người có thể đắc Đạo hay không là ở chỗ người đó ngộ Đạo ở mức độ nào và niềm tin, ý chí có kiên trì không. Cho nên, rời khỏi rừng

núi, đi vào đời sống xã hội chưa phải là rời Đạo. Người xưa có câu: “Đại ẩn ở triều đình, trung ẩn ở thành phố, tiểu ẩn ở rừng núi”, là muốn nói điều đó. Có người chưa từng vào núi, vào cung quán, nhưng anh ta cũng tu Đạo một cách chân chính, chưa chắc anh ta không thể đắc Đạo. Tân Đạo gia nổi lên ở Trung Quốc hiện nay là hiện tượng xã hội đáng coi trọng. Họ có thể không coi trọng giới luật, không tin phương thuật, nhưng họ chú trọng tu dưỡng phẩm hạnh đạo đức của Đạo gia và Đạo giáo. Tôn sùng phong cách độc lập, tự chủ, coi trọng năng lực phê phán của Đạo gia đối với những hiện tượng xấu xa của xã hội là những điều tinh túy vốn có ở Đạo gia và Đạo giáo. Bởi vậy, họ không những có thể đắc Đạo, mà còn đắc Đạo trước người đời. Phật giáo có truyền thống “Giáo ngoại biệt truyền” (không truyền giáo ra bên ngoài), Thiền sư Huệ Năng được thụ Pháp truyền Y bát khi còn chưa nhập đạo Phật, bí mật truyền giáo nhiều năm mới được Hòa thượng Ấn Tông chính thức truyền độ xuống tóc. Ý tôi muốn nói là chức sắc Đạo giáo không chỉ tu ở trong núi, mà nên đi truyền Đạo trong đời sống hiện thực, thậm chí nên học tập những nhân sĩ tuy ở dân gian nhưng tu dưỡng rất tốt. Như vậy, vừa có thể làm lớn mạnh cơ sở xã hội của tôn giáo, vừa có lợi cho việc tu Đạo, đắc Đạo.

Người tu hành tự đời thường hóa tức là người tu hành nên có cái tâm bình dị. Người tu đạo vừa là người xuất gia, vừa là người bình thường, có cuộc sống và tình người giống như người bình thường. Việc xuất gia ở mức độ rất lớn là một sự phân công lao động. Mặc áo Đạo sĩ, sống cuộc sống không giống người bình thường, nhưng đó chỉ là ngoại tại, trên thực tế họ không khác nhiều như người ta tưởng tượng. Họ vẫn có thân thể như người thường, sống cuộc sống mà người bình thường cần sống, như vậy tất nhiên là hợp tâm, hợp lí. Cái khác ở chỗ, trong

tâm họ có niềm tin bất biến, suốt đời làm việc theo niềm tin đó. Đây chính là nơi người xuất gia không nên lấy cái khác với người thường về diện mạo ngoại tại, mà cho rằng mình không thể hợp với người thường, không “ăn cơm gạo người đời”. Có một cái tâm bình dị thì nhìn thấy cái gì cũng tốt, chính là điều kiện để câu thông với người khác, là cơ sở tâm lí quan trọng để thâm nhập vào đời, phát triển ý Đạo. Vì có hiểu người mới có thể khuyến thiện được. Thời Nam Tống có Trần Nam, đạo hạnh cao, nhưng suốt ngày hòa đồng với người đời, làm nghề nặn thùng đất, người ta gọi là “Trần viên đất”, nhưng vẫn không ảnh hưởng đến việc ông có một cái tâm bình thường, không trở ngại việc tu Đạo, mà là một phương tiện, lòng người tồn tại, thì “tâm” của Đạo còn. Không có “nhân tâm” tức vô “Đạo tâm”, nghĩa là Đạo không thiên vị, bình đẳng đối với tất cả mọi người. Người xuất gia, hay người chưa xuất gia, chỉ cần tu Đạo là có quyền lợi bình đẳng đắc Đạo, không ai có đặc quyền. Đối với người tu Đạo mà nói, cần lấy “tâm bình đẳng” để đối đãi người khác, giúp đỡ người khác và tế độ người khác, đấy chính là công người lợi ta. Bản thân chỉ là một thành phần bình thường như bao người khác, Đạo ban cho mình cũng nhiều như người khác, không phải là cho mình nhiều hơn một chút và cho người khác ít đi một chút. Ngạo mạn với người khác cũng là không bình đẳng với họ, là thiên vị, đều là điều Đạo không nói đến. Đứng đúng vị trí của mình là tuân theo điều cơ bản của người tu hành, cũng chính là đặt mình vào vị trí một người bình thường, dùng tâm bình đẳng đi tâm Đạo. Trong xã hội hiện nay, đây là một yếu tố cực kì quan trọng trong việc tôn giáo thích ứng với xã hội.

Hướng đến xã hội, hướng đến đời sống, không có nghĩa là không cần giữ vững niềm tin, càng không phải là lẫn lộn với

thế tục hoặc đồng đẳng với thế tục. Là một tôn giáo, thì niềm tin tôn giáo cần kiên định, việc tâm Đạo không phải là một thứ toan tính, mà là một sự lựa chọn nghiêm túc và trịnh trọng, cho nên, người tu hành nên dùng trọn cuộc đời để theo đuổi, bất kể ở nơi đâu và vị trí nào, ý chí tin Đạo không thể buông lơi, ở bất kể đâu, làm bất kể việc gì đều coi là thực tiễn cho việc tu Đạo. Niềm tin phải dựa vào ý chí để được duy trì, ý chí tôn giáo ở bất cứ tôn giáo nào cũng rất quan trọng. Trong Kinh Thánh, tôn thờ Thượng Đế và theo đuổi chân lí là việc giống nhau, những gì mà Thượng Đế khả thị đều là chân lí. Tội nghi, Đạo giáo cũng không ngoại lệ, *Đạo đức kinh* nói Đạo là chân lí, hơn nữa là chân lí hoàn toàn tuyệt đối. “Ý của Đạo” mà *Lão Tử Tưởng Nhĩ chú, Thái Bình kinh* nói chẳng qua là sự nhân cách hóa chân lí mà thôi. Trong quá trình tu hành tôn giáo, thực hiện chân lí, người tu hành không chỉ dựa vào phương pháp nhận thức thông thường, mà cần “cách vật trí tri” (đến với vật, hiểu biết vật). Tri thức kết hợp thực hành, thậm chí suốt đời theo đuổi. Có thể thực hành ở trong rừng núi, cung quán, hoặc nơi quần chúng. Nếu người tu Đạo hiểu rõ thâm nhập phục vụ xã hội là một thực tiễn tôn giáo, là một bộ phận của việc tu Đạo, thì sẽ không thấy nghi hoặc nữa, mà có được tư thế chủ động, cũng sẽ không bị cuốn theo dòng xoáy của xã hội thế tục, thay đổi tín ngưỡng. Một khi đã đi trên con đường theo đuổi chân lí, thì chẳng có gì để do dự cả! Do dự có nguyên nhân hai mặt: Một là, không tin lắm vào đối tượng tín ngưỡng, hai là, tín đồ thiếu dũng cảm và ý chí, cho nên vừa phải kiên định niềm tin tôn giáo, vừa có ý chí và sự dũng cảm, nhưng bản thân ý chí cần kinh qua thực tiễn cọ xát mà gia tăng, không đích thân qua thực tiễn, không thể nói bản thân có ý chí. Từ ý nghĩa đó, Đạo sĩ cần phải thẳng thắn đối mặt với xã hội, hướng đến đời sống

và trong đời sống thực tiễn còn phải tỏ rõ niềm tin của mình và thái độ đối với đời sống ở đây có một vấn đề cần đặt ra, người tu Đạo trong quá trình thích ứng với xã hội, thậm chí nhập đời sống, cần giữ mình như thế nào. Có lẽ thực tiễn đạo Tin Lành thời Cận đại thâm nhập đời sống thế tục đáng để học tập. Yêu cầu của lí thuyết Tin Lành đối với đạo đức của tín đồ không những giảm đi mà càng chặt chẽ. Tín đồ Thanh giáo phải ngẫm nghĩ hành động của mình nhiều lần, sợ vi phạm ý Chúa. Trong đời sống thế tục, ý chí của đạo Tin Lành là kiên định, làm gì cũng hợp lí hợp pháp, kinh doanh dưới tiền đề tuân thủ lí luận kinh tế. Dưới sự chủ đạo của một loại tinh thần và ý chí tôn giáo, họ làm kinh tế, không những không mất đi quy phạm đạo đức, mà còn sản sinh ra động lực to lớn. Do vậy, đạo Tin Lành đã có vai trò rất lớn trong việc mang đến sự phồn vinh của chủ nghĩa tư bản. Những nhà buôn và nhà kinh tế thành công cũng không quên tín ngưỡng Thượng Đế của họ, hăng hái làm phúc lợi xã hội. Số người như vậy rất nhiều. Hoạt động xã hội của “Phật giáo nhân gian” của Đài Loan cũng đáng coi trọng. Trong quá trình Đạo giáo thâm nhập xã hội thế tục, không thể buông lỏng yêu cầu ở phương diện đạo đức, ngược lại làm mạnh thêm niềm tin đạo đức tôn giáo của bản thân, giữ giáo điều đối với bản thân. Đó là ý chí tôn giáo. Trong đời sống thế tục, người tu Đạo cần lấy hành vi của mình làm gương cho người khác, thể hiện sự cao thượng ở thế tục, “Đức” cho một xóm, “hạnh” cho một làng”. Lấy lòng quan tâm và nhiệt tình tôn giáo, dùng niềm tin kiên định và ý chí không mệt mỏi, dốc toàn bộ sinh mệnh vào phục vụ xã hội và theo đuổi chân lí, đây là tinh thần tôn giáo. Ngày nay, chúng ta cần nhiều tinh thần như vậy!

Người dịch: Trần Anh Đào
VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO